

Số: 771/TM-BVTE
V/v mời báo giá mực đồ, vật tư
sửa chữa máy in, máy vi tính

Hải Phòng, ngày 26 tháng 6 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty, nhà cung cấp.

Bệnh viện Trẻ em có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm mực đồ, vật tư sửa chữa máy in, máy vi tính với nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Trẻ em.

Địa chỉ: Phố Việt Đức, phường Đồng Hoà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ của người tiếp nhận báo giá: Ks. Nguyễn Phương Thành; Điện thoại: 0913.042.451.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: nhận trực tiếp tại địa chỉ trên.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: đến trước 17 giờ ngày 06 tháng 7 năm 2025.

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày tiếp nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục mực đồ, vật tư sửa chữa máy in, máy vi tính cần mua sắm.

Chi tiết về danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật tối thiểu tại Phụ lục 01

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Trẻ em.

Địa chỉ: Phố Việt Đức, phường Đồng Hoà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

3. Thời gian dự kiến giao hàng: Quý III/2025.

4. Các điều khoản thanh toán: Theo thỏa thuận.

5. Các thông tin khác: Nêu các yêu cầu về bảo hành, bảo trì, hướng dẫn sử dụng, đào tạo, cung cấp phụ tùng thay thế, các điều kiện thương mại....

Kính đề nghị các Công ty/ Nhà cung cấp/ Đơn vị quan tâm và có khả năng đáp ứng gói thầu nghiên cứu phạm vi và yêu cầu kỹ thuật và gửi Báo giá để Bệnh viện có căn cứ xây dựng dự toán của gói thầu.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, CNTT.



Q. GIÁM ĐỐC

BSCKII. Trần Minh Cảnh

Phụ lục 01

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU

(Kèm theo thư mời số/TM-BVTE ngày / /2025)

STT	DANH MỤC HÀNG HOÁ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1.	Mực máy in đen trắng Dùng cho máy in Canon/HP: Canon LBP 2900, 6200,3300 HP 402, 404,3010,161... Sản xuất năm 2024 trở về sau Mực in rõ nét, đậm , đều, không lem, không nở mực. Độ bám dính trên giấy cao, không tróc. Số trang in: 3500 (độ phủ 5%) Trọng lượng (160g)	Hộp	3000
2.	Mực máy in dùng cho máy in Brother/Xerox Tương thích với các loại máy in lase Brother /Xerox HL2130,2240.2550,2270.DCP7050 Sản xuất năm 2024 trở về sau Mực in rõ nét, đậm , đều, không lem, không nở mực. Độ bám dính trên giấy cao, không tróc. Số trang in: 3500 (độ phủ 5%).	Hộp	50
3.	Mực máy in màu L8050 hàng chính hãng	Hộp	100
4.	Mực máy in Epson 805 hàng chính hãng	Hộp	50
5.	Mực máy in Canon G2010 GI 790 hàng chính hãng	Hộp	20
6.	Trống máy in Dùng cho máy in Canon/ HP Trống máy in HP, Canon trắng bạc 5 lớp siêu bền Dùng cho máy in Canon 1005, 1006A, 2900, 6200, 3300, HP402, 404, 3010. Số trang in 12.000 trang.	Cái	1100
7.	Trống máy in Brother Fujixerox Trống máy in Brother loại 4 lớp trắng bạc siêu bền Bảo hành: 3 tháng hoặc 10.000 trang	Cái	50
8.	Cụm trống máy in dùng cho máy dòng máy Canon 161	Cái	30
9.	Gạt mực máy in Dùng cho máy in Canon/ HP Canon 1005,1006A,2900,6200,3300 HP 402,404,3010,MF223 Bảo hành 6 tháng hoặc 15.000 trang	Cái	350
10.	Trục cao su Dùng cho máy in Canon/ HP Canon LBP 1005,1006A,2900,6200,3300, HP 402,404,3010 Bảo hành 6 tháng hoặc 15.000 trang	Cái	250
11.	Trục từ dùng cho máy in HP, Canon Canon LBP 1006A,2900,6200,3300,233, HP 402,404,3010,4103,1005 Bảo hành: 3 tháng 15.000 trang in	Cái	250

12.	Cụm sấy máy in Canon HP + mỡ nhiệt Canon LBP 2900, 6200,233 HP 1005,404,4103,402	Cái	70
13.	Lô sấy lô ép máy in Canon /HP Canon LBP 1006A,2900,6200,3300,233 HP 402,404,3010,4103,1005 Bảo hành: 06 tháng	Cái	100
14.	Main nguồn máy in Canon/ HP Canon LBP 1006A,2900,6200,3300,233 HP 402,404,3010,4103,1005 Bảo hành 12 tháng	Cái	20
15.	Card formater máy in Canon/ HP Canon LBP 1006A,2900,6200,3300,233 HP 402,404,3010,4103,1005 Bảo hành 12 tháng	Cái	20
16.	Bánh răng sấy máy in Canon/ HP Canon LBP 1006A,2900,6200,3300,233 HP402,404,3010,4103,1005	Cái	20
17.	Đầu phun máy in Epson 8050,805	Bộ	10
18.	Đầu phun máy in Canon G2010	Bộ	5
19.	Cartridge HP CF230A Màu sắc: Đen Công nghệ in: Laser Dung lượng in: Khoảng 1.600 trang (theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752) Loại mực: Dung lượng tiêu chuẩn Trương thích với máy in: HP LaserJet Pro M203dn, M203dw; HP LaserJet Pro MFP M227fdn, M227fdw, M227sdn	Hộp	30
20.	Cartridge Brother TN 2385 Loại mực Mực in laser đen (Black Toner Cartridge) Công nghệ in Laser đơn sắc (mono laser) Dung lượng in Khoảng 2.600 trang (theo chuẩn ISO/IEC 19752)	Hộp	10
21.	Cartridge HP CF276 Màu sắc: Đen Công nghệ in: Laser Dung lượng in: Khoảng 3.000 trang Loại mực: Dung lượng tiêu chuẩn Dùng cho các máy : HP LaserJet Pro M404, MFP M428	Hộp	30
22.	Cartidge Canon EP326 Màu: Đen (Black), công nghệ in Laser Dung lượng trang: khoảng 2.100 trang (với mức phủ 5%) Dùng cho các máy : Canon LBP-6200 và LBP-6230DN	Hộp	30



23.	Cartridge Canon EP308 Màu: Đen, công nghệ in Laser Dùng cho các máy : Canon imageCLASS / i-SENSYS LBP-3300 và LBP-3360	Hộp	10
24.	Cartridge Canon 057 Màu: Đen, công nghệ in Laser Dung lượng trang: ~3.100 trang Dùng cho các máy : Loạt máy như i-SENSYS LBP-223dw/226dw/228x, imageCLASS LBP-226dw/227dw, MF-325dn/445/448dw/449dw	Hộp	30
25.	Cartidge Canon 325 Màu: Đen, công nghệ in Laser Dung lượng trang: khoảng 1.600 trang (theo mức phủ) Dùng cho các máy Canon LBP-6000/B, LBP-6018, LBP-6030/6030B/W imageClass MF3010	Hộp	30
26.	Cartidge Canon EP303 Màu: Đen, công nghệ in Laser Dung lượng trang: khoảng 2.000 trang Dùng cho các máy : Canon LBP-2900 và LBP-3000	Hộp	50
27.	Cartidge HP 151A Màu sắc: Đen Công nghệ in: Laser Dung lượng in: Khoảng 3.050 trangLoại mực: Dung lượng tiêu chuẩn Dùng cho các máy với máy in: HP LaserJet Pro 4003dn, MFP 4103fdw	Hộp	20
28.	Cartidge HP CF.226A Màu sắc: Đen Công nghệ in: Laser Dung lượng in: Khoảng 3.100 trang Loại mực: Dung lượng tiêu chuẩn Dùng cho các máy với máy in: HP LaserJet Pro M402n, M402dn, M402dw; HP LaserJet Pro MFP M426fdn, M426fdw	Hộp	30
29	Máy tính + màn hình - Dạng vỏ thùng SFF - Bộ vi xử lý Intel Core i5-12500 3.00GHz 18MB 6 cores - Graphics Intel® UHD Graphics 770 - Chipset Q670 - Bộ nhớ trong 16GB DDR5-4800 - Hỗ trợ nâng cấp lên đến 128 GB DDR5-4800, tối đa 4 slot - Ổ cứng 512GB SSD - Máy có thể hỗ trợ các loại ổ cứng và công nghệ lưu trữ sau:	Bộ	2

- HDD: tới 2TB
- SSD: tới 2TB m2 NVMe
- Phụ kiện Chuột, bàn phím đồng bộ với hãng sản xuất máy
- Kết nối mạng Intel® I219-LM 1 Gigabit Network Connection LOM (vPro®)
- Cổng kết nối tích hợp sẵn - 3 USB A 2.0
- 3 USB A 3.2 Gen 1
- 4 USB A 3.2 Gen 2
- 1 USB C 3.2 Gen 2x2
- 1 Combo Audio Jack with CTIA and headset support
- 1 Audio-Linein/Line out
- 2 DP 1.4a
- 1 VGA
- 1 Serial Port
- 1 HDMI 1.4b
- Khe cắm mở rộng - 1 M2 PCIe x1 2230 WLAN/BT
- 2 M.2 PCIe x4 2280 cho lưu trữ
- 4 Sata
- 1 PCIe 3.0 x16
- 2 PCIe 3.0 x1
- 1 PCIe 4.0 x16
- Tiêu chuẩn về môi trường "EPEAT® Climate+
- TCO
- CECF
- ENERGY STAR"
- **Bảo mật**
- Có thể cập nhật BIOS của nhà sản xuất trực tiếp qua mạng mà không cần hệ điều hành hoặc USB
- "Có phần mềm (cùng Hãng sản xuất) với tính năng bảo vệ BIOS như sau:
- Tạo danh sách các khóa nhận dạng phần cứng, firmware tin cậy; và danh sách các khóa nhận dạng phần mềm độc hại (malware) để ngăn chặn các mối đe dọa tấn công với máy tính.
- Kích hoạt tính năng chống tấn công DMA (DMA protection) trong BIOS."
- Hệ điều hành Windows 11 Home 64
- Nguồn 260W, hiệu năng tối ưu lên đến 92%
- Bảo hành 1 năm bảo hành tận nơi sử dụng hoặc giao nhận tại nơi sử dụng trên 63 tỉnh thành theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất tại Việt Nam do Trung

PH
I VI
EM

Handwritten signature

	tâm bảo hành chính hãng tại Việt Nam thực hiện. - Năm sản xuất 2024 trở về sau - Tình trạng thiết bị Mới 100% - MÀN HÌNH MÁY TÍNH ĐỒNG BỘ VỚI HÃNG SẢN XUẤT MÁY TÍNH - Kích thước màn hình 23.8 inch - Tấm nền IPS - Tốc độ làm tươi 100 Hz - Độ phân giải FHD (1920 x 1080) - Tỷ lệ khung hình 16:9 - Độ sáng 250 nits - Độ tương phản 1000:1 - Màu sắc 72% - Thời gian đáp ứng 5ms - Cổng kết nối "1 HDMI - 1 DisplayPort - 1 VGA" - Điện năng tiêu thụ 30W (Tối đa), 0.5W (Chế độ chờ), 20W (Thông thường) - Bảo hành 3 năm - Năm sản xuất 2024 trở về sau Tình trạng thiết bị Mới 100%		
30.	Chuột máy vi tính USB	Cái	50
31.	Bàn phím máy vi tính USB	Cái	50
32.	Dây mạng cat 5e U/UTP, 4 đôi, CM, 24 AWG, Solid, màu trắng	Thùng	10
33.	Dây mạng cat 6e U/UTP 4 đôi CM, 23 AWG, Solid, màu xanh dương	Thùng	5
34.	Convert quang HHD-220G -100/1000 Base -TX/FX 20km (Dùng được cả chuẩn Muti và single; 2 core)	Bộ	10
35.	Bộ chia mạng 8 cổng - Số cổng: 8 cổng 10/100/1000Mbps RJ45 Giegabit tính năng tự động đàm phán, hỗ trợ Auto MDI/MDIX. F111Điều khiển lưu lượng chuẩn IEEE 802.3x cung cấp sự truyền dữ liệu đáng tin cậy. - Vỏ bằng thép,thiết kế để bàn hay khay đựng treo tường. - Hỗ trợ tính năng QoS (IEEE 802.1p) - Thiết kế cắm và xài làm đơn giản hóa sự cài đặt	Cái	10
36.	Bộ chia mạng 16 cổng - Tốc độ LAN: Gigabit (1000Mbps) - Số cổng: 16 Cổng - Cổng kết nối: 16x cổng RJ45 10/100/1000 Mbps (Tự động thỏa thuận/MDI tự động/MDIX) - Kiểu Switch: Switch Gigabit (1000Mbps) - Chất liệu vỏ: Vỏ Thép - Mô tả khác: Công nghệ năng lượng hiệu quả sáng tạo giúp tiết kiệm năng lượng - Hỗ trợ tự học địa chỉ MAC, tự động MDI/MDIX và tự	Cái	10

	động đàm phán - Thiết kế cắm vào và sử dụng		
37.	Bộ chia mạng 8 cổng POE – Switch L2, 8 cổng PoE 100M, 1 cổng uplink 100M – Tự tương thích chuẩn 802.3af/at, Tổng công suất PoE 58W – Truyền dẫn khoảng cách xa: Tối đa 250m ở chế độ mở rộng – Cổng ưu tiên: Cổng 1, 2, Ưu tiên chất lượng dịch vụ – Chống sét: 6KV cho mỗi cổng – Vỏ kim loại	Cái	10
38.	Bộ chia mạng 16 cổng POE – 16 cổng PoE RJ45 100Mbps, 2 cổng RJ45 Gigabit, 1 cổng quang – Tự tương thích chuẩn IEEE 802.3af/at – Công suất PoE 130W ; Công suất tối đa 30W mỗi cổng – Cổng ưu tiên: Cổng 1 – 8 – Chống sét 6KV cho các cổng PoE – Truyền dẫn khoảng cách xa: Tối đa 300m – Vỏ kim loại, thiết kế ko quạt	Cái	10
39.	Dịch vụ sửa chữa máy in	Lần	Tùy theo lỗi phát sinh thực tế

